

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH KẾT QUẢ VẤN ĐÁP ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THÀNH LẬP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC**

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-SNV ngày...../4/2026 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh An Giang)

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
1. Thanh tra tỉnh							
1	TT001	Bùi Phước Lộc	1988	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra tỉnh	90	Đạt
2. UBND đặc khu Phú Quốc							
2	VH003	Thái Thùy Dương	1989	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND đặc khu Phú Quốc	90	Đạt
3	KT001	Nguyễn Xuân Hạnh	1970	Chuyên viên tham mưu về quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND đặc khu Phú Quốc	75	Đạt
4	KT005	Trịnh Thị Bắc	1987	Chuyên viên tham mưu về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND đặc khu Phú Quốc	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
5	HC001	Đỗ Thanh	1992	Chuyên viên tham mưu thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	UBND đặc khu Phú Quốc	90	Đạt
6	KT006	Viên Thị Bích Thủy	1988	Kế toán viên	UBND đặc khu Phú Quốc	85	Đạt
7	KT002	Phan Trường Thạnh	1990	Chuyên viên tham mưu về quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND đặc khu Phú Quốc	90	Đạt
8	VH001	Hồ Kim Ngân	1994	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND đặc khu Phú Quốc	95	Đạt
9	VH002	Phan Bích Nhung	1985	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND đặc khu Phú Quốc	90	Đạt
10	KT004	Trang Tuấn Anh	1996	Chuyên viên tham mưu về quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND đặc khu Phú Quốc	90	Đạt
11	KT003	Trần Thị Liên	1985	Chuyên viên tham mưu về quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND đặc khu Phú Quốc	70	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
12	KT007	Trần Minh Thượng	1996	Chuyên viên quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND đặc khu Thổ Châu	95	Đạt
3. UBND phường Bình Đức							
13	VH005	Dương Anh Hào	1998	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND phường Bình Đức	90	Đạt
14	VP001	Lê Lan Thùy Trang	1991	Chuyên viên Văn phòng	UBND phường Bình Đức	95	Đạt
15	VP002	Nguyễn Trọng Nhân	1986	Chuyên viên Văn phòng	UBND phường Bình Đức	90	Đạt
4. UBND phường Chi Lăng							
16	VH010	Trương Quốc Linh	1991	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND phường Chi Lăng	80	Đạt
17	VP003	Danh Sóc Phol	1983	Chuyên viên đối ngoại	UBND phường Chi Lăng	90	Đạt
18	VP005	Nguyễn Thị Xía	1989	Chuyên viên Văn phòng	UBND phường Chi Lăng	95	Đạt
19	VH007	Nguyễn Nhật Trường	1988	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo.	UBND phường Chi Lăng	75	Đạt
20	VH009	Trần Thị Thu Hương	1984	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND phường Chi Lăng	65	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
21	VH008	Trần Thị Mỹ Duyên	1990	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; Bình đẳng giới.	UBND phường Chi Lăng	80	Đạt
22	KT010	Nguyễn Hoàng Sang	1988	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND phường Chi Lăng	75	Đạt
23	VP006	Phan Thanh Phong	1984	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND phường Chi Lăng	85	Đạt
24	VP004	Huỳnh Văn Khang	1988	Chuyên viên Tư pháp: xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; công tác tư pháp; hòa giải cơ sở; trợ giúp pháp lý; nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực; quản lý về xử lý vi phạm hành chính	UBND phường Chi Lăng	80	Đạt
25	KT008	Đặng Thị Thanh Thanh	1998	Chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	UBND phường Chi Lăng	90	Đạt
26	KT009	Nguyễn Chí Dũng	1986	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND phường Chi Lăng	75	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
27	VH006	Lâm Thị Kim Hằng	1991	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND phường Chi Lăng	95	Đạt
5. UBND phường Long Phú							
28	VH011	Cù Thị Kim Sang	1984	Chuyên viên tham mưu về dân tộc, tôn giáo	UBND phường Long Phú	90	Đạt
29	VH014	Phan Thị Hồng Trang	1989	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND phường Long Phú	80	Đạt
30	VH013	Nguyễn Thị Mai Trinh	1994	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND phường Long Phú	60	Đạt
31	KT011	Đào Thị Thảo Nguyên	1987	Kế toán viên	UBND phường Long Phú	80	Đạt
32	VP007	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	1989	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND phường Long Phú	85	Đạt
33	VH015	Trần Thị Thanh Tuyền	1978	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND phường Long Phú	65	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
34	VH012	Đông Minh Dưỡng	1988	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	UBND phường Long Phú	90	Đạt
35	KT013	Nguyễn Thị Thúy Phượng	1980	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND phường Long Phú	90	Đạt
6. UBND phường Long Xuyên							
36	VH016	Nguyễn Bảo Toàn	1996	Chuyên viên lĩnh vực y tế: Quản lý vệ y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế.	UBND phường Long Xuyên	85	Đạt
37	KT019	Trần Châu Bích Ngọc	1985	Chuyên viên quản lý về tài chính – ngân sách nhà nước	UBND phường Long Xuyên	95	Đạt
38	KT015	Đoàn Minh Sang	1988	Chuyên viên lĩnh vực công thương: Quản lý tiêu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.	UBND phường Long Xuyên	95	Đạt
39	VP011	Phạm Thị Mỹ Hằng	1985	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND phường Long Xuyên	90	Đạt
40	KT014	Đặng Minh Trí	1988	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực Môi trường, tài nguyên nước.	UBND phường Long Xuyên	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
41	VP012	Phan Thị Yến Trinh	1982	Chuyên viên tư pháp: Xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; công tác tư pháp; hoà giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực; quản lý về xử lý vi phạm hành chính	UBND phường Long Xuyên	65	Đạt
42	VH017	Phan Ngọc Dũng	1984	Chuyên viên tham mưu về văn hoá, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, quảng cáo.	UBND phường Long Xuyên	70	Đạt
43	VP010	Nguyễn Thị Bích Thuận	1995	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND phường Long Xuyên	85	Đạt
44	KT017	Phạm Thị Thu Hằng	1983	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo.	UBND phường Long Xuyên	80	Đạt
45	HC002	Quách Hữu Nghị	1985	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	UBND phường Long Xuyên	95	Đạt
46	KT016	Lê Hồng Duyên	1994	Kế toán viên	UBND phường Long Xuyên	80	Đạt
47	VP008	Ngô Thanh Phong	1988	Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng.	UBND phường Long Xuyên	90	Đạt
48	VP009	Nguyễn Thắng Lợi	1986	Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.	UBND phường Long Xuyên	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
49	KT018	Phan Phạm Kim Minh	1993	Kế toán viên	UBND phường Long Xuyên	85	Đạt
7. UBND phường Mỹ Thới							
50	VP013	Dương Thị Huyền Sơn	1990	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND phường Mỹ Thới	80	Đạt
51	KT021	Nguyễn Trọng Nghĩa	1982	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước	UBND phường Mỹ Thới	85	Đạt
52	KT020	Nguyễn Thảo Lộc	1985	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND phường Mỹ Thới	65	Đạt
53	VP014	Trần Thị Hằng	1977	Chuyên viên tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	UBND phường Mỹ Thới	75	Đạt
8. UBND phường Rạch Giá							
54	KT022	Lê Hạnh	1985	Kế toán viên	UBND phường Rạch Giá	85	Đạt
55	HC004	Trương Hữu Hiếu	1992	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin	UBND phường Rạch Giá	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
56	VH023	Trương Thanh Tâm	1984	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	UBND phường Rạch Giá	85	Đạt
57	VP018	Nguyễn Thanh Lạc	1966	Chuyên viên Văn phòng	UBND phường Rạch Giá	65	Đạt
58	KT023	Mã Thị Thúy An	1989	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND phường Rạch Giá	90	Đạt
59	VH018	Đặng Minh Quai	1994	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND phường Rạch Giá	90	Đạt
60	HC003	Phan Minh Trung	1990	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin	UBND phường Rạch Giá	90	Đạt
61	VH021	Lê Thị Thúy Hằng	1986	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực giáo dục và Đào tạo	UBND phường Rạch Giá	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm văn đáp	Kết quả
62	KT024	Nguyễn Thành Sáng	1982	Kế toán viên	UBND phường Rạch Giá	30	Không đạt
63	VP019	Nguyễn Trung Hiếu	1982	Chuyên viên hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND phường Rạch Giá	75	Đạt
64	VP020	Nguyễn Tuyết Nhung	1986	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND phường Rạch Giá	85	Đạt
65	VH019	Danh Dương	1977	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND phường Rạch Giá	90	Đạt
66	VH022	Ngô Quốc Kiệt	1989	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND phường Rạch Giá	80	Đạt
67	VP016	Hà Hải Yên	1983	Chuyên viên Văn phòng	UBND phường Rạch Giá	90	Đạt
68	VP017	Nguyễn Quốc Thắng	1995	Chuyên viên Văn phòng	UBND phường Rạch Giá	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
69	VH024	Vũ Đức Thành	1983	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND phường Rạch Giá	95	Đạt
70	VP021	Thái Hoàng Tuấn	1994	Chuyên viên Văn phòng	UBND phường Rạch Giá	90	Đạt
71	VH020	Huỳnh Thanh Đạt	1988	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND phường Rạch Giá	65	Đạt
72	VP015	Dương Thị Mỹ Nhi	1983	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND phường Rạch Giá	Vắng	Vắng
73	KT026	Tô Thị Kiều Oanh	1987	Kế toán viên	UBND phường Rạch Giá	80	Đạt
74	KT025	Nguyễn Thị Kim Ánh	1988	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND phường Rạch Giá	80	Đạt
9. UBND phường Tân Châu							
75	KT030	Lý Bảo Phương	1987	Chuyên viên lĩnh vực tài chính: Quản lý về tài chính - ngân sách nhà nước	UBND phường Tân Châu	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
76	KT032	Nguyễn Tấn Lợi	1997	Chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	UBND phường Tân Châu	55	Đạt
77	KT031	Mai Phước Toàn	1989	Chuyên viên lĩnh vực tài chính: Quản lý về tài chính - ngân sách nhà nước	UBND phường Tân Châu	95	Đạt
78	KT033	Tiêu Mỹ Trân	1990	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND phường Tân Châu	90	Đạt
79	VH025	Nguyễn Thị Huỳnh Mai	1990	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND phường Tân Châu	90	Đạt
80	VH026	Nguyễn Thị Kiều Trang	1983	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND phường Tân Châu	85	Đạt
81	KT028	Đặng Thiên Trang	1990	Chuyên viên lĩnh vực tài chính: Quản lý về tài chính - ngân sách nhà nước	UBND phường Tân Châu	95	Đạt
82	KT027	Cao Thị Hiền	1980	Kế toán viên	UBND phường Tân Châu	90	Đạt
83	VH027	Trần Thị Hồng Oanh	1984	Chuyên viên Tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND phường Tân Châu	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
84	VP022	Trần Thị Cẩm Tiên	1995	Chuyên viên đối ngoại	UBND phường Tân Châu	95	Đạt
85	KT029	Huỳnh Thị Thu Cúc	1985	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND phường Tân Châu	90	Đạt
10. UBND phường Thới Sơn							
86	VP026	Phạm Ngọc Huệ	1986	Văn thư viên	UBND phường Thới Sơn	80	Đạt
87	KT036	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1995	Chuyên viên tham mưu về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND phường Thới Sơn	95	Đạt
88	KT037	Trần Trường Giang	1986	Chuyên viên về quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND phường Thới Sơn	95	Đạt
89	HC005	Trần Thị Thanh Xuân	1984	Chuyên viên Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân phường	UBND phường Thới Sơn	95	Đạt
90	VP025	Nguyễn Văn Đại An	1990	Chuyên viên về Kiểm tra chuyên ngành	UBND phường Thới Sơn	95	Đạt
91	VH028	Đình Trí Đức	1979	Chuyên viên tham mưu về công tác Dân tộc, tôn giáo	UBND phường Thới Sơn	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
92	VH030	Lâm Thị Ánh Phương	1989	Chuyên viên về lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	UBND phường Thới Sơn	75	Đạt
93	KT038	Trần Văn Thông	1982	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối, kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND phường Thới Sơn	85	Đạt
94	HC006	Trần Thị Thủy Tiên	1988	Chuyên viên Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân phường	UBND phường Thới Sơn	85	Đạt
95	KT035	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1994	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị: hạ tầng kỹ thuật đô thị; vật liệu xây dựng; nhà ở, công sở, giao thông	UBND phường Thới Sơn	85	Đạt
96	VH032	Nguyễn Thị Trúc Ly	1990	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND phường Thới Sơn	90	Đạt
97	VH033	Trần Thị Ngọc Diễm	1988	Chuyên viên về lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	UBND phường Thới Sơn	95	Đạt
98	KT034	Nguyễn Thanh Tùng	1974	Chuyên viên lĩnh vực công thương: Quản lý tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.	UBND phường Thới Sơn	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
99	VP023	Cao Thị Thu Thảo	1992	Chuyên viên Văn phòng	UBND phường Thới Sơn	90	Đạt
100	VP024	Lê Thị Tuyết	1985	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng (gồm Quản trị cơ sở)	UBND phường Thới Sơn	95	Đạt
101	VH031	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	1993	Chuyên viên về lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	UBND phường Thới Sơn	75	Đạt
102	VH029	Huỳnh Hữu Tâm	1989	Chuyên viên lĩnh vực y tế: Quản lý vệ y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế	UBND phường Thới Sơn	85	Đạt
11. UBND phường Tịnh Biên							
103	KT043	Trương Thị Tém	1988	Chuyên viên lĩnh vực tài chính: Quản lý về tài chính - ngân sách nhà nước	UBND phường Tịnh Biên	75	Đạt
104	VP030	Nguyễn Thị Hồng Nghi	1986	Văn thư viên	UBND phường Tịnh Biên	80	Đạt
105	VP031	Nguyễn Văn Lệ	1985	Chuyên viên đối ngoại	UBND phường Tịnh Biên	80	Đạt
106	VP032	Nguyễn Văn Thắng	1985	Chuyên viên về Kiểm tra chuyên ngành	UBND phường Tịnh Biên	95	Đạt
107	KT041	Thái Hoàng Hào	1990	Chuyên viên quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND phường Tịnh Biên	75	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm văn đáp	Kết quả
108	KT042	Trần Bảo Trung	1993	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; Lâm nghiệp; Diêm nghiệp; Thủy lợi; Thủy sản; Phát triển nông nghiệp; Phòng, chống thiên tai; Giảm nghèo	UBND phường Tịnh Biên	75	Đạt
109	KT039	Huỳnh Cường An	1989	Kế toán viên	UBND phường Tịnh Biên	90	Đạt
110	VP029	Nguyễn Nô Hoa	1990	Chuyên viên Văn phòng	UBND phường Tịnh Biên	70	Đạt
111	KT040	Nguyễn Thị Yên Nhi	1989	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND phường Tịnh Biên	87,5	Đạt
112	VH036	Nguyễn Thị Đẹp	1992	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND phường Tịnh Biên	55	Đạt
113	VP027	Lê Thị Kim Quyên	1987	Chuyên viên hành chính-văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND phường Tịnh Biên	90	Đạt
114	VP028	Lê Thị Loan	1989	Chuyên viên Văn phòng	UBND phường Tịnh Biên	80	Đạt
115	VH035	Nguyễn Quốc Tuấn	1980	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND phường Tịnh Biên	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
116	KT044	Võ Thị Thanh Thùy	1989	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND phường Tịnh Biên	85	Đạt
117	VH034	Nguyễn Quốc Dũng	1993	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND phường Tịnh Biên	60	Đạt
118	VH037	Nguyễn Thị Thanh	1985	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND phường Tịnh Biên	70	Đạt
12. UBND phường Tô Châu							
119	KT045	Nguyễn Thị Mỹ Nhiễm	1987	Kế toán viên	UBND phường Tô Châu	95	Đạt
120	KT046	Trần Minh Nguyên	1987	Kế toán viên	UBND phường Tô Châu	95	Đạt
121	VH038	Lê Thị Thanh Thúy	1990	Chuyên viên lĩnh vực lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động, người có công, bình đẳng giới	UBND phường Tô Châu	80	Đạt
13. UBND phường Vĩnh Thông							
122	VP034	Đoàn Thị Thu Hương	1985	Chuyên viên về công nghệ thông tin (gồm an toàn thông tin mạng)	UBND phường Vĩnh Thông	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
123	VH042	Trương Bích Ngọc	1984	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ, thi đua khen thưởng, văn thư, lưu trữ nhà nước, thanh niên	UBND phường Vĩnh Thông	80	Đạt
124	KT047	Lê Tuấn An	1985	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND phường Vĩnh Thông	90	Đạt
125	VH039	Hà Thanh Như	1991	Chuyên viên Tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND phường Vĩnh Thông	75	Đạt
126	VH041	Nguyễn Vĩnh Tiến	1997	Chuyên viên tham mưu chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND phường Vĩnh Thông	75	Đạt
127	HC007	Phạm Thành Thoi	1985	Chuyên viên tham mưu thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	UBND phường Vĩnh Thông	95	Đạt
128	VP033	Cao Hồng Tím	1984	Chuyên viên tham mưu về công tác văn phòng	UBND phường Vĩnh Thông	85	Đạt
129	VH040	Huỳnh Văn Đào	1980	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND phường Vĩnh Thông	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
14. UBND xã An Châu							
130	VP035	Đinh Thị Hương Giang	1992	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã An Châu	90	Đạt
131	KT049	Nguyễn Thị Bích Nhi	1991	Kế toán viên	UBND xã An Châu	90	Đạt
132	HC008	Nguyễn Quốc Huy	1993	Chuyên viên Kiểm soát thủ tục hành chính	UBND xã An Châu	95	Đạt
133	VH043	Mai Thị Diễm	1992	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã An Châu	80	Đạt
134	KT048	Đỗ Phạm Bình Đăng	1975	Chuyên viên lĩnh vực quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND xã An Châu	80	Đạt
135	KT050	Võ Thị Nhiệm	1985	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực công thương, quản lý tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, thương mại	UBND xã An Châu	90	Đạt
15. UBND xã An Cư							
136	VP037	Lê Thị Kiều Hương	1989	Chuyên viên văn phòng	UBND xã An Cư	90	Đạt
137	VP038	Nèang Sóc Nâu	1987	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND xã An Cư	90	Đạt
138	VH044	Neáng Pha Ly	1993	Chuyên viên tham mưu công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã An Cư	90	Đạt
139	KT052	Ngô Thị Hồng Đào	1991	Kế toán viên	UBND xã An Cư	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm văn đáp	Kết quả
140	VP036	Hồ Thị Ngọc Hương	1990	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã An Cư	85	Đạt
141	KT054	Nguyễn Thị Cẩm Duyên	1985	Kế toán viên	UBND xã An Cư	95	Đạt
142	VH045	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	1993	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã An Cư	85	Đạt
143	KT055	Trần Thị Bích Tuyền	1990	Chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	UBND xã An Cư	90	Đạt
144	KT053	Nguyễn Thanh Bình	1988	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã An Cư	75	Đạt
145	VH046	Trần Thị Hiền	1986	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã An Cư	75	Đạt
146	KT051	Mai Thị Ánh Nguyệt	1983	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổng hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hỗ trợ kinh doanh tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã An Cư	85	Đạt
147	KT056	Tiêu Minh Hùng	1977	Chuyên viên lĩnh vực tài chính: Quản lý về tài chính - ngân sách nhà nước	UBND xã An Cư	75	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
16. UBND xã An Minh							
148	VH049	Võ Việt Tăng	1987	Chuyên viên tham mưu về nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân.	UBND xã An Minh	75	Đạt
149	VP039	Lê Thị Thiệt	1991	Chuyên viên đối ngoại	UBND xã An Minh	95	Đạt
150	VP040	Mai Thanh Quân	1982	Chuyên viên Kiểm tra chuyên ngành	UBND xã An Minh	85	Đạt
151	KT057	Đoàn Văn Hạnh	1983	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND xã An Minh	90	Đạt
152	VH048	Trần Thị Tú My	1989	Chuyên viên lĩnh vực y tế: Quản lý về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế	UBND xã An Minh	80	Đạt
153	VP041	Trần Hoàng Kiệt	1989	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng (gồm Quản trị cơ sở)	UBND xã An Minh	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
154	KT058	Phan Thị Bé Sáu	1986	Chuyên viên lĩnh vực giao thông	UBND xã An Minh	80	Đạt
155	VH047	Nguyễn Thị Mỹ Dung	1989	Chuyên viên tham mưu về công tác Dân tộc, tôn giáo	UBND xã An Minh	90	Đạt
17. UBND xã Ba Chúc							
156	KT061	Phan Việt Linh Chi	1992	Chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	UBND xã Ba Chúc	90	Đạt
157	KT060	Phạm Thị Cẩm Giang	1992	Chuyên viên quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND xã Ba Chúc	90	Đạt
158	VH050	Lê Mỹ Dung	1989	Chuyên viên Tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Ba Chúc	70	Đạt
159	VP042	Phạm Văn Lý	1990	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND xã Ba Chúc	95	Đạt
160	VH051	Võ Thúy Liễu	1990	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	UBND xã Ba Chúc	95	Đạt
161	KT059	Châu Hồng Vân	1989	Kế toán viên	UBND xã Ba Chúc	85	Đạt
18. UBND xã Bình An							
162	VH052	Danh Vàng	1989	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Bình An	85	Đạt
163	KT062	Chau Phim	1989	Chuyên viên về quản lý quy hoạch, quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	UBND xã Bình An	90	Đạt
19. UBND xã Bình Mỹ							

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
164	KT064	Lê Thị Mỹ Phượng	1991	Kế toán viên	UBND xã Bình Mỹ	75	Đạt
165	KT063	Cao Thị Diễm Thanh	1985	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Bình Mỹ	85	Đạt
20. UBND xã Bình Thạnh Đông							
166	KT068	Nguyễn Bá Minh Mẫn	1986	Chuyên viên về quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND xã Bình Thạnh Đông	90	Đạt
167	KT069	Nguyễn Thị Phi Giao	1988	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Bình Thạnh Đông	90	Đạt
168	VH053	Lương Thị Mỹ Ly	1992	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Bình Thạnh Đông	85	Đạt
169	VP043	Lâm Thị Kiều Oanh	1984	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND xã Bình Thạnh Đông	70	Đạt
170	KT065	Bà Phan Thị Hồng Ý	1989	Kế toán viên	UBND xã Bình Thạnh Đông	85	Đạt
171	VH055	Võ Thị Đẹp	1986	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Bình Thạnh Đông	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
172	KT067	Huỳnh Thị Tuyết Mai	1985	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Bình Thạnh Đông	90	Đạt
173	VH054	Nguyễn Hoàng Phúc	1986	Chuyên viên lĩnh vực y tế: Quản lý về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế	UBND xã Bình Thạnh Đông	85	Đạt
174	VP044	Trần Hoa Ni	1990	Chuyên viên về công nghệ thông tin (gồm an toàn thông tin mạng)	UBND xã Bình Thạnh Đông	90	Đạt
175	KT066	Đỗ Thị Mộng Thu	1989	Kế toán viên	UBND xã Bình Thạnh Đông	80	Đạt
21. UBND xã Cần Đăng							
176	VH056	Nguyễn Huỳnh Chiêu Kha	1990	Chuyên viên lĩnh vực y tế: Quản lý về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế	UBND xã Cần Đăng	75	Đạt
177	KT070	Cù Minh Tuấn Kiệt	1985	Kế toán viên	UBND xã Cần Đăng	90	Đạt
22. UBND xã Châu Phong							

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
178	VH057	Lưu Thanh Bình	1985	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Châu Phong	65	Đạt
179	KT073	Trần Thị Quỳnh Như	1995	Chuyên viên quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND xã Châu Phong	95	Đạt
180	VP048	Trần Thị Mỹ Linh	1987	Chuyên viên giúp việc HĐND	UBND xã Châu Phong	95	Đạt
181	VP047	Nguyễn Thị Trúc Thanh	1983	Chuyên viên giúp việc HĐND	UBND xã Châu Phong	75	Đạt
182	VP045	Nguyễn Khắc Trung	1989	Chuyên viên tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	UBND xã Châu Phong	90	Đạt
183	VH059	Võ Thị Kim Thuyền	1986	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Châu Phong	90	Đạt
184	VP046	Nguyễn Mạnh Tường	1988	Chuyên Viên Tư Pháp	UBND xã Châu Phong	55	Đạt
185	KT071	Giang Thị Trúc Thời	1985	Chuyên viên về lĩnh vực tài chính: Quản lý về tài chính - ngân sách nhà nước	UBND xã Châu Phong	90	Đạt
186	VH058	Trần Thị Nhẹ	1989	Chuyên viên lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	UBND xã Châu Phong	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
187	KT072	Tạ Thị Minh Ái	1991	Chuyên viên quản lý Kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND xã Châu Phong	90	Đạt
23. UBND xã Châu Phú							
188	KT074	Nguyễn Thị Thu Hồng	1988	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo.	UBND xã Châu Phú	95	Đạt
189	VP049	Nguyễn Thị Kiều Oanh	1990	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND xã Châu Phú	75	Đạt
190	VH060	Nguyễn Hoàng Kha	1993	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Châu Phú	75	Đạt
191	VP050	Võ Thị Thùy Dương	1990	Chuyên viên văn phòng	UBND xã Châu Phú	90	Đạt
24. UBND xã Châu Thành							
192	VH063	Trần Phương Tường	1994	Chuyên viên lĩnh vực y tế: Quản lý về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế	UBND xã Châu Thành	95	Đạt
193	VP051	Danh Oanh Na	1982	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Châu Thành	87,5	Đạt
194	VP052	Danh Phước	1992	Chuyên viên tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	UBND xã Châu Thành	95	Đạt
195	KT076	Huỳnh Thị Minh Tâm	1987	Kế toán viên	UBND xã Châu Thành	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
196	VH062	Nguyễn Thị Tú Anh	1988	Chuyên viên lĩnh vực lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động, người có công, bình đẳng giới.	UBND xã Châu Thành	95	Đạt
197	KT075	Chung Đức Trường	1982	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Châu Thành	95	Đạt
198	VH061	Danh Thanh Liêm	1985	Chuyên viên tham mưu về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao; du lịch, quảng cáo	UBND xã Châu Thành	65	Đạt
25. UBND xã Chợ Vàm							
199	VP054	Đinh Thị Diễm Hương	1994	Văn thư viên	UBND xã Chợ Vàm	75	Đạt
200	VH065	Ngô Xuân Trọng	1989	Chuyên viên Tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Chợ Vàm	75	Đạt
201	KT078	Phạm Thị Bích Phượng	1983	Kế toán viên	UBND xã Chợ Vàm	80	Đạt
202	KT077	Đinh Thị Ngọc Giào	1987	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Chợ Vàm	90	Đạt
203	VH064	Lê Trương Thúy Vi	1993	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Chợ Vàm	75	Đạt
26. UBND xã Cô Tô							

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm văn đáp	Kết quả
204	KT080	Phạm Thị Thúy Diễm	1988	Kế toán viên	UBND xã Cô Tô	70	Đạt
205	KT081	Quách Văn Thành	1982	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Cô Tô	95	Đạt
206	VP055	Lê Kim Ngọc Sang	1988	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND xã Cô Tô	95	Đạt
207	KT079	Nguyễn Thuận An	1997	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị; vật liệu xây dựng; nhà ở; công sở	UBND xã Cô Tô	60	Đạt
208	VH070	Trần Thị Thu Lan	1983	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Cô Tô	70	Đạt
209	VP056	Phạm Minh Tùng	1986	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND xã Cô Tô	80	Đạt
210	VH068	Lê Thanh Cường	1986	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Cô Tô	90	Đạt
211	VH069	Trần Thị Kiều Nương	1984	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	UBND xã Cô Tô	75	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
212	VH067	Đỗ Thanh Tiểu Hồng	1995	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực y tế: Quản lý về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế	UBND xã Cô Tô	95	Đạt
213	VH066	Chau Sóc Phát	1982	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Cô Tô	95	Đạt
214	VP057	Võ Thị Hiền	1985	Chuyên viên tư pháp: Xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; công tác tư pháp; hòa giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực; quản lý về xử lý vi phạm hành chính	UBND xã Cô Tô	70	Đạt
27. UBND xã Định Hòa							
215	VP058	Danh Đình Chiến	1978	Chuyên viên Tư pháp: xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; công tác tư pháp; hòa giải cơ sở; trợ giúp pháp lý; nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực; quản lý về xử lý vi phạm hành chính.	UBND xã Định Hòa	85	Đạt
216	KT083	Trần Phương Đầu	1986	chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND xã Định Hòa	95	Đạt
217	VP061	Lê Bảo Ngọc	1989	Chuyên viên tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	UBND xã Định Hòa	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
218	VP059	Hồ Kim Chi	1986	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Định Hòa	85	Đạt
219	VP060	Lâm Thị Ngọc Huyền	1972	chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Định Hòa	85	Đạt
220	VH071	Danh Thanh Tuấn	1979	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Định Hòa	70	Đạt
221	KT082	Thị Hồng Chi	1989	Chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	UBND xã Định Hòa	95	Đạt
222	VH072	Thị Thu Năm	1984	chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Định Hòa	80	Đạt
28. UBND xã Định Mỹ							
223	KT086	Huỳnh Mỹ Xuyên	1990	Chuyên viên về quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND xã Định Mỹ	85	Đạt
224	KT087	Khru Bá Chắc	1995	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Định Mỹ	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
225	VH074	Nguyễn Thị Kiều Lam	1985	Chuyên viên Tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Định Mỹ	85	Đạt
226	KT089	Nguyễn Hoàng Nam	1993	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND xã Định Mỹ	90	Đạt
227	KT084	Châu Thị Bích Lành	1987	Kế toán viên	UBND xã Định Mỹ	85	Đạt
228	KT088	Ngô Thị Hồng Gấm	1979	Kế toán viên	UBND xã Định Mỹ	75	Đạt
229	VH073	Khuru Thiện Chơn	1990	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Định Mỹ	90	Đạt
230	KT085	Dương Thị Diễm An	1989	Kế toán viên	UBND xã Định Mỹ	77,5	Đạt
231	VP062	Phan Thị Mỹ Dung	1989	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND xã Định Mỹ	92,5	Đạt
232	KT090	Trần Diệp Trường An	1990	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Định Mỹ	95	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
29. UBND xã Đông Thái							
233	VH076	Nguyễn Văn Nhí	1986	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Đông Thái	85	Đạt
234	VH077	Phan Văn Hon	1988	Chuyên viên về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công, bình đẳng giới	UBND xã Đông Thái	90	Đạt
235	VP063	Nguyễn Văn Hận	1987	Chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã	UBND xã Đông Thái	75	Đạt
236	KT092	Trần Minh Trung	1987	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Đông Thái	75	Đạt
237	KT091	Nguyễn Văn Bạo	1989	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Đông Thái	90	Đạt
238	VH078	Võ Văn Quây	1987	Chuyên viên về tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Đông Thái	95	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
239	VH075	Danh Na	1981	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	UBND xã Đông Thái	75	Đạt
30. UBND xã Giang Thành							
240	VP064	Lương Thị Loan	1986	Chuyên viên tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	UBND xã Giang Thành	85	Đạt
241	VH079	Trịnh Thị Hồng Hoa	1992	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc và tôn giáo	UBND xã Giang Thành	80	Đạt
31. UBND xã Giồng Riềng							
242	VH081	Nguyễn Thị Tú	1981	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên.	UBND xã Giồng Riềng	90	Đạt
243	VP066	Phạm Thị Thắm	1987	Văn thư viên	UBND xã Giồng Riềng	80	Đạt
244	VH083	Trần Thị Mỹ Chuyện	1990	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Giồng Riềng	70	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
245	VP065	Nguyễn Thanh Trường	1989	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Giồng Riềng	95	Đạt
246	VH080	Âu Văn Tàu	1986	Chuyên viên lĩnh vực lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động, người có công, bình đẳng giới	UBND xã Giồng Riềng	75	Đạt
247	VH082	Phương Thanh Liêm	1991	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Giồng Riềng	65	Đạt
32. UBND xã Gò Quao							
248	KT093	Thị Lệ Kha	1990	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực công thương, quản lý tiêu thụ công nghiệp, công nghiệp, thương mại	UBND xã Gò Quao	75	Đạt
249	VH084	Phùng Như Ý	1992	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước, chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ công chức, viên chức, công vụ; cải cách hành chính, hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ, thi đua, khen thưởng, văn thư, lưu trữ nhà nước, thanh niên	UBND xã Gò Quao	85	Đạt
33. UBND xã Hòa Hưng							
250	KT094	Nguyễn Thị Bích Liên	1988	Kế toán viên	UBND xã Hòa Hưng	75	Đạt
251	KT095	Võ Thị Tuyết Phương	1985	Kế toán viên	UBND xã Hòa Hưng	90	Đạt
34. UBND xã Hòa Lạc							

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
252	VH087	Nguyễn Thị Diễm Phương	1989	tham mưu về tổ chức hành chính, sử nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua khen thưởng; văn thư lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Hòa Lạc	90	Đạt
253	KT098	Lý Thảo Linh	1989	Chuyên viên quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND xã Hòa Lạc	90	Đạt
254	KT100	Ngô Thị Lan	1989	Chuyên viên lĩnh vực tài chính: Quản lý về tài chính - ngân sách nhà nước	UBND xã Hòa Lạc	95	Đạt
255	VH088	Nguyễn Thị Tài Linh	1991	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Hòa Lạc	80	Đạt
256	VH086	Nguyễn Hữu Đức	1985	chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Hòa Lạc	80	Đạt
257	VH085	Giang Thị Tố Quyên	1987	Chuyên viên Tham mưu về văn hoá; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Hòa Lạc	75	Đạt
258	KT096	Dương Thị Cẩm Thu	1995	Chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	UBND xã Hòa Lạc	90	Đạt
259	KT099	Lý Thị Kim Văn	1985	Chuyên viên về lĩnh vực công thương: Quản lý tiêu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại	UBND xã Hòa Lạc	75	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
260	KT097	Lê Thị Thuỳ Trang	1987	Chuyên viên lĩnh vực tài chính: Quản lý về tài chính - ngân sách nhà nước	UBND xã Hòa Lạc	80	Đạt
261	VP067	Nguyễn Thị Tuyết	1982	Chuyên viên Giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND xã Hòa Lạc	65	Đạt
35. UBND xã Hòa Thuận							
262	KT101	Nguyễn Thị Bích Trâm	1992	Kế toán viên	UBND xã Hòa Thuận	85	Đạt
36. UBND xã Hòn Đất							
263	VH091	Ngô Thị Thùy Trang	1996	Chuyên viên về lĩnh vực Văn hóa	UBND xã Hòn Đất	80	Đạt
264	KT102	Hà Thanh Toàn	1987	Chuyên viên về lĩnh vực Công thương	UBND xã Hòn Đất	85	Đạt
265	VH090	Lê Thị Ngọc Sương	1988	Chuyên viên về nội vụ	UBND xã Hòn Đất	80	Đạt
266	VH089	Lê Thanh Tùng	1980	Chuyên viên về lĩnh vực lao động	UBND xã Hòn Đất	90	Đạt
267	VP069	Vương Thị Việt	1985	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND xã Hòn Đất	90	Đạt
268	VP068	Trần Thị Yến Ngọc	1990	Chuyên viên về Văn phòng	UBND xã Hòn Đất	90	Đạt
37. UBND xã Hòn Nghệ							
269	VP070	Trần Thị Lài	1991	chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Hòn Nghệ	90	Đạt
38. UBND xã Khánh Bình							
270	VP071	Lương Văn Phúc	1988	Chuyên viên quản lý Công nghệ thông tin (gồm an toàn thông tin mạng),	UBND xã Khánh Bình	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
271	KT103	Võ Thị Kim Giao	1988	Chuyên viên quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND xã Khánh Bình	90	Đạt
272	VH093	Nguyễn Thị Chi	1991	Chuyên viên Giáo dục và Đào tạo	UBND xã Khánh Bình	75	Đạt
39. UBND xã Kiên Lương							
273	VH094	Thái Thị Si Na	1986	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Kiên Lương	80	Đạt
274	VP072	Ong Thị Hồng Cẩm	1987	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND xã Kiên Lương	85	Đạt
275	KT104	Đỗ Thị Hồng Diễm	1990	Kế toán viên	UBND xã Kiên Lương	95	Đạt
40. UBND xã Long Điền							
276	VH095	Nguyễn Hoàng Cương	1987	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên.	UBND xã Long Điền	75	Đạt
277	VH096	Phạm Thanh Lâm	1983	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số.	UBND xã Long Điền	70	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
41. UBND xã Long Kiến							
278	KT105	Lưu Minh Toàn	1990	Kế toán viên	UBND xã Long Kiến	85	Đạt
279	VP073	Nguyễn Hữu Tài	1981	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng (gồm Quản trị công sở)	UBND xã Long Kiến	75	Đạt
280	KT106	Phạm Thị Kiều Vân	1995	Kế toán viên	UBND xã Long Kiến	75	Đạt
42. UBND xã Long Thạnh							
281	VP074	Thái Thị Mộng Hoài	1986	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND xã Long Thạnh	85	Đạt
43. UBND xã Mỹ Đức							
282	VH099	Phạm Thùy Trang	1985	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Mỹ Đức	90	Đạt
283	VH098	Nguyễn Thị Minh Thor	1982	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Mỹ Đức	70	Đạt
284	KT107	Huỳnh Ngọc Đình	1983	Chuyên viên về quản lý nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Mỹ Đức	95	Đạt
285	VP075	Nguyễn Thị Mỹ Ly	1987	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Mỹ Đức	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
286	VH097	Nguyễn Thị Hoa Lý	1986	Chuyên viên tham mưu về hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Mỹ Đức	85	Đạt
44. UBND xã Mỹ Hòa Hưng							
287	KT108	Lâm Thị Phương Thuận	1993	Chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	UBND xã Mỹ Hòa Hưng	90	Đạt
288	KT109	Nguyễn Văn Nhiều	1988	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị; vật liệu xây dựng; nhà ở; công sở	UBND xã Mỹ Hòa Hưng	80	Đạt
45. UBND xã Mỹ Thuận							
289	VP077	Nguyễn Hoàng Giang	1983	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Mỹ Thuận	77,5	Đạt
290	KT113	Lê Thị Thanh Mai	1987	Chuyên viên lĩnh vực giao thông	UBND xã Mỹ Thuận	75	Đạt
291	VH100	Lê Văn Công	1990	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Mỹ Thuận	70	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
292	HC009	Đông Thị Thu	1983	Chuyên viên Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân xã	UBND xã Mỹ Thuận	95	Đạt
293	KT112	Huỳnh Kiên Trường	1984	Kế toán viên về kế toán nhà nước	UBND xã Mỹ Thuận	90	Đạt
294	VP078	Trương Thị Kim Loan	1982	Chuyên viên về công nghệ thông tin (gồm an toàn thông tin)	UBND xã Mỹ Thuận	87,5	Đạt
295	VH101	Ngô Thị Thu Sang	1988	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	UBND xã Mỹ Thuận	70	Đạt
296	KT114	Trần Hữu Ngọc	1991	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, phát triển nông nghiệp, phòng chống thiên tai, giảm nghèo	UBND xã Mỹ Thuận	95	Đạt
46. UBND xã Ngọc Chúc							
297	VP080	Võ Thị Anh Xuân	1987	Chuyên viên tham mưu về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Ngọc Chúc	70	Đạt
298	VH102	Nguyễn Thị Hồng Tươi	1983	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Ngọc Chúc	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
299	HC010	Mai Thị Hạnh	1976	Chuyên viên Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân xã	UBND xã Ngọc Chúc	85	Đạt
300	KT115	Nguyễn Văn Cọp	1984	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Ngọc Chúc	90	Đạt
301	KT116	Triệu Văn Út	1988	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND xã Ngọc Chúc	80	Đạt
302	VP079	Huỳnh Từ Hoa Hạ	1992	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Ngọc Chúc	90	Đạt
47. UBND xã Nhơn Hội							
303	VP082	Nguyễn Thị Ngân	1982	Chuyên viên giúp việc cho Hội đồng nhân dân	UBND xã Nhơn Hội	75	Đạt
304	VP081	Nguyễn Thành Được	1991	Chuyên Viên Văn Phòng HĐND và UBND	UBND xã Nhơn Hội	95	Đạt
305	KT118	Trần Thị Thùy Trang	1983	Kế toán viên	UBND xã Nhơn Hội	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
306	KT117	Nguyễn Thị Tung	1987	Kế toán viên	UBND xã Nhơn Hội	85	Đạt
307	VH103	Phan Văn Út	1987	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Nhơn Hội	70	Đạt
48. UBND xã Nhơn Mỹ							
308	KT119	Đình Thị Hoa	1985	Kế toán viên	UBND xã Nhơn Mỹ	90	Đạt
309	KT120	Phạm Chí Cường	1986	Chuyên viên lĩnh vực giao thông	UBND xã Nhơn Mỹ	85	Đạt
49. UBND xã Núi Cấm							
310	KT124	Võ Thị Kim Yến	1986	Kế toán viên	UBND xã Núi Cấm	95	Đạt
311	KT121	Lê Đình Nhật Tảo	1994	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, phát triển nông nghiệp, phòng chống thiên tai, giảm nghèo.	UBND xã Núi Cấm	95	Đạt
312	VH105	Nguyễn Văn Đứng	1984	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Núi Cấm	70	Đạt
313	VP083	Nguyễn Thị Kim Chi	1988	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Núi Cấm	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
314	VH104	Lê Thị Ti	1988	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Núi Cấm	95	Đạt
315	KT122	Nguyễn Phước Thái	1985	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND xã Núi Cấm	90	Đạt
316	KT123	Nguyễn Thị Thanh Nhân	1987	Chuyên viên quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND xã Núi Cấm	90	Đạt
50. UBND xã Óc Eo							
317	VH106	Nguyễn Ngọc Tuấn Em	1982	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số.	UBND xã Óc Eo	65	Đạt
318	KT128	Khru Triệu Vĩ	1995	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo.	UBND xã Óc Eo	90	Đạt
319	VH108	Vũ Hoàng Duyệt	1977	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Óc Eo	85	Đạt
320	KT129	Trần Hữu Phú	1997	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị; vật liệu xây dựng; nhà ở; công sở.	UBND xã Óc Eo	95	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
321	KT127	Huỳnh Bạch Vân	1990	Chuyên viên tham mưu về quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND xã Óc Eo	75	Đạt
322	VP085	Nguyễn Thúy An	1991	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND xã Óc Eo	85	Đạt
323	VP084	Nguyễn Thành Vinh	1995	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Óc Eo	90	Đạt
324	KT126	Hồ Thị Hào	1989	Kế toán viên	UBND xã Óc Eo	95	Đạt
325	VH107	Nguyễn Văn Hiền	1987	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Óc Eo	90	Đạt
326	KT130	Trần Lâm Vinh	1993	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.	UBND xã Óc Eo	95	Đạt
327	KT125	Đình Thị Đình Đang	1980	Chuyên viên về quản lý quy hoạch, quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	UBND xã Óc Eo	85	Đạt
51. UBND xã Phú Hòa							
328	VP087	Văng Công Thòn	1987	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND xã Phú Hòa	95	Đạt
329	KT132	Phan Văn Là	1974	Chuyên viên lĩnh vực công thương: Quản lý tiêu thụ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.	UBND xã Phú Hòa	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
330	KT134	Văn Quốc Thống	1986	Chuyên viên về Quản lý lĩnh vực Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản, phát triển nông nghiệp; phòng chống thiên tai; giảm nghèo.	UBND xã Phú Hòa	75	Đạt
331	KT131	Phạm Trường Giang	1996	Chuyên viên về Quản lý lĩnh vực Nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản, phát triển nông nghiệp; phòng chống thiên tai; giảm nghèo.	UBND xã Phú Hòa	95	Đạt
332	KT133	Trần Thị Ngọc Hân	1994	Kế toán viên	UBND xã Phú Hòa	85	Đạt
333	VP086	Mã Văn Việt Trân	1989	Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng.	UBND xã Phú Hòa	95	Đạt
52. UBND xã Phú Hữu							
334	VP089	Huỳnh Tấn Thanh	1983	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND xã Phú Hữu	90	Đạt
335	VP088	Dương Phát Thanh	1988	Chuyên viên Tư pháp	UBND xã Phú Hữu	85	Đạt
336	VP090	Huỳnh Thị Thúy An	1990	Văn thư viên	UBND xã Phú Hữu	80	Đạt
337	VH111	Nguyễn Thị Cẩm Hương	1991	Chuyên viên lao động	UBND xã Phú Hữu	95	Đạt
338	VH109	Lê Quốc Lợi	1985	Chuyên viên Văn hóa	UBND xã Phú Hữu	85	Đạt
339	VH110	Nguyễn Lê Thúy Duy	1989	Chuyên viên phụ trách Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	UBND xã Phú Hữu	90	Đạt
53. UBND xã Phú Lâm							
340	VH112	Nguyễn Minh Tuyên	1981	Chuyên viên Tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Phú Lâm	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
341	KT136	Lê Thị Mỹ Duyên	1991	Kế toán viên	UBND xã Phú Lâm	80	Đạt
342	KT135	Huỳnh Thanh Hải	1994	Chuyên viên về lĩnh vực công thương; Quản lý tiêu thụ công nghiệp; Công nghiệp; Thương mại	UBND xã Phú Lâm	95	Đạt
343	VP091	Trần Thị Bé Sáu	1981	Chuyên viên giúp việc HĐND	UBND xã Phú Lâm	Vắng	Vắng
54. UBND xã Sơn Hải							
344	VP092	Cao Ngọc Diễm	1992	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Sơn Hải	80	Đạt
345	VP093	Dương Thùy Diễm Trang	1989	Chuyên viên văn phòng	UBND xã Sơn Hải	80	Đạt
55. UBND xã Sơn Kiên							
346	KT137	Đặng Thị Quyền	1986	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND xã Sơn Kiên	87,5	Đạt
347	VH113	Trần Thanh Phú	1991	chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương, việc làm; bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động, người có công, bình đẳng giới	UBND xã Sơn Kiên	75	Đạt
348	VH114	Vũ Thị Nga	1988	Chuyên viên về dân tộc - tôn giáo	UBND xã Sơn Kiên	85	Đạt
56. UBND xã Tân An							
349	KT139	Nguyễn Thị Thúy	1984	Kế toán viên	UBND xã Tân An	95	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
350	KT138	Huỳnh Thanh Huyền	1980	Kế toán viên	UBND xã Tân An	90	Đạt
351	KT140	Trần Thị Nhã Phương	1990	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.	UBND xã Tân An	95	Đạt
352	VP094	Nguyễn Thị Kim Ngọc	1995	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Tân An	90	Đạt
353	KT141	Trần Văn Thanh	1992	chuyên viên lĩnh vực giao thông	UBND xã Tân An	90	Đạt
354	VH116	Đông Văn Lâm	1988	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Tân An	85	Đạt
355	VH115	Đặng Công Điền	1982	chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình, báo chí, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, bưu chính, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số	UBND xã Tân An	90	Đạt
57. UBND xã Tân Hội							
356	KT143	Phạm Văn Quốc Hào	1988	Chuyên viên lĩnh vực giao thông	UBND xã Tân Hội	90	Đạt
357	VH118	Phan Phong Vinh	1983	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Tân Hội	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
358	VP095	Dương Thị Diễm	1987	Chuyên viên Tư pháp (Xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; công tác tư pháp; hòa giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý; nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực; quản lý về xử lý vi phạm hành chính)	UBND xã Tân Hội	85	Đạt
359	KT142	Bùi Thị Chúc Giang	1992	Kế toán viên	UBND xã Tân Hội	85	Đạt
360	VH117	Phạm Trung Ngôn	1990	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số.	UBND xã Tân Hội	75	Đạt
361	HC011	Nguyễn Văn Tốt	1986	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin, tại Ủy ban nhân dân cấp xã.	UBND xã Tân Hội	90	Đạt
58. UBND xã Tân Thạnh							
362	VH119	Trần Văn Hăng	1975	Chuyên viên tham mưu lĩnh vực dân tộc, tôn giáo	UBND xã Tân Thạnh	75	Đạt
363	VP097	Nguyễn Thị Tiên	1985	chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Tân Thạnh	85	Đạt
364	KT144	Nguyễn Hồng Tầm	1986	Kế toán viên	UBND xã Tân Thạnh	85	Đạt
59. UBND xã Tây Phú							

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
365	VP099	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	1990	Chuyên viên đối ngoại	UBND xã Tây Phú	85	Đạt
366	KT147	Tôn Kế Minh	1976	Kế toán viên	UBND xã Tây Phú	90	Đạt
367	VP098	Nguyễn Thị Bé	1989	Chuyên viên Văn Phòng	UBND xã Tây Phú	70	Đạt
368	KT148	Tôn Tấn Nhiều	1984	Chuyên viên về lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng; Phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị; Vật liệu xây dựng; Nhà ở; Công sở	UBND xã Tây Phú	85	Đạt
369	KT146	Nguyễn Văn Tuyền	1987	Chuyên viên quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND xã Tây Phú	90	Đạt
370	KT149	Trương Thái Vĩnh	1983	Chuyên viên về lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng; Phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị; Vật liệu xây dựng; Nhà ở; Công sở	UBND xã Tây Phú	70	Đạt
371	KT145	Nguyễn Thị Lùng	1989	Chuyên viên lĩnh vực công thương: Quản lý tiểu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.	UBND xã Tây Phú	90	Đạt
372	VH120	Trần Thụy Huy	1994	Chuyên viên tham mưu về nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân	UBND xã Tây Phú	75	Đạt
60. UBND xã Thạnh Mỹ Tây							
373	KT151	Đỗ Thị Thu Thảo	1996	Phụ trách về quản lý lĩnh vực môi trường và tài nguyên nước	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	95	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
374	KT153	Phạm Thị Thùy Trang	1987	Phụ trách về Quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	80	Đạt
375	KT152	Huỳnh Thúc Vi	1993	Phụ trách về lĩnh vực công thương, quản lý tiêu thủ công nghiệp, công nghiệp, thương mại	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	85	Đạt
376	KT150	Diệp Chí Khoa	1990	Kế toán viên	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	87,5	Đạt
377	VP101	Trần Thị Mỹ Nhung	1991	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	85	Đạt
378	VH121	Nguyễn Thị Huỳnh Như	1994	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	95	Đạt
379	KT154	Phạm Thị Xinh	1992	phụ trách về lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm, kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn.	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	85	Đạt
380	VP100	Nguyễn Thị Lê Na	1989	Chuyên viên tư pháp	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	90	Đạt
61. UBND xã Thoại Sơn							
381	HC012	Phạm Thị Yến Nhi	1998	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân xã.	UBND xã Thoại Sơn	85	Đạt
382	KT155	Ngô Yến Vân	1997	Chuyên viên lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Thoại Sơn	95	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
383	KT158	Ông Thị Hồng Diễm	1990	Chuyên viên lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Thoại Sơn	90	Đạt
384	KT159	Trần Thanh Hoài	1985	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Thoại Sơn	95	Đạt
385	KT156	Nguyễn Hữu Phước	1992	Phụ trách về quản lý lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước	UBND xã Thoại Sơn	95	Đạt
386	VP103	Trần Kim Trang	1993	Phụ trách về tư pháp thi hành và tổ chức pháp luật; công tác tư pháp; hòa giải cơ sở, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý về xử lý vi phạm hành chính	UBND xã Thoại Sơn	85	Đạt
387	VH122	Diệp Đức Bảo	1991	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; Hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên.	UBND xã Thoại Sơn	90	Đạt
388	KT157	Nguyễn Văn Bồn	1995	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản; thủy sản, muối; kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND xã Thoại Sơn	85	Đạt
389	VP104	Trương Hữu Văn	1988	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Thoại Sơn	85	Đạt
62. UBND xã Vân Khánh							

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
390	VP107	Phạm Thị Pho	1988	Chuyên viên Hành chính- Văn phòng	UBND xã Vân Khánh	90	Đạt
391	KT162	Phan So Ni	1984	Chuyên viên lĩnh vực tài chính: Quản lý về tài chính - ngân sách nhà nước	UBND xã Vân Khánh	95	Đạt
392	VH123	Nguyễn Giang Linh	1991	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; Hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên.	UBND xã Vân Khánh	90	Đạt
393	VP105	Lê Thanh Tuấn	1979	Chuyên viên tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, phòng chống tham nhũng	UBND xã Vân Khánh	95	Đạt
394	VH125	Phan Văn Ril	1982	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Vân Khánh	85	Đạt
395	KT160	Nguyễn Hoàng Khiêm	1984	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp, phòng chống thiên tai giảm nghèo	UBND xã Vân Khánh	85	Đạt
396	VP106	Nguyễn Hoàng Lil	1988	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND xã Vân Khánh	70	Đạt
397	VH124	Nguyễn Văn Vũ	1988	Chuyên viên tham mưu về văn hóa gia đình thể dục thể thao quảng cáo du lịch	UBND xã Vân Khánh	82,5	Đạt
398	KT161	Nguyễn Ngọc Cặp	1986	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã; liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Vân Khánh	95	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
63. UBND xã Vĩnh Bình							
399	VH126	Bùi Quốc Nam	1986	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo.	UBND xã Vĩnh Bình	80	Đạt
400	VP108	Nguyễn Văn Ngoan	1986	Chuyên viên về kiểm tra chuyên ngành	UBND xã Vĩnh Bình	90	Đạt
401	VP109	Phạm Huỳnh Kim Chur	1990	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở).	UBND xã Vĩnh Bình	80	Đạt
402	VP111	Võ Thị Diễm	1989	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở).	UBND xã Vĩnh Bình	90	Đạt
403	KT163	Trương Hoàng Lên	1984	Chuyên viên quản lý quy hoạch, quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn.	UBND xã Vĩnh Bình	95	Đạt
404	VH127	Tô Thị Phà Ca	1990	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Vĩnh Bình	60	Đạt
405	VH128	Trần Thị Kim Hai	1993	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên.	UBND xã Vĩnh Bình	95	Đạt
406	VP110	Quách Văn Phấn	1982	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Vĩnh Bình	90	Đạt
64. UBND xã Vĩnh Gia							
407	VH133	Nguyễn Văn Tuấn	1985	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Vĩnh Gia	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
408	VH129	Đỗ Thị Trúc Giang	1987	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Vĩnh Gia	75	Đạt
409	VH135	Phan Văn Phấn	1981	Chuyên viên về tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Vĩnh Gia	90	Đạt
410	KT166	Trần Thị Ngọc Quyền	1991	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Gia	90	Đạt
411	VH132	Nguyễn Chí Thiện	1992	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	UBND xã Vĩnh Gia	80	Đạt
412	KT165	Hứa Thị Mai Hân	1997	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị; vật liệu xây dựng; nhà ở; công sở	UBND xã Vĩnh Gia	95	Đạt
413	VH130	Huỳnh Thị Ngọc Diệp	1996	Chuyên viên lĩnh vực y tế: Quản lý về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế	UBND xã Vĩnh Gia	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm văn đáp	Kết quả
414	VP112	Phan Thị Hằng	1990	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Vĩnh Gia	90	Đạt
415	KT164	Đào Thị Diễm	1985	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Gia	85	Đạt
416	VH134	Phạm Thị Kiều Em	1985	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Vĩnh Gia	75	Đạt
65. UBND xã Vĩnh Hanh							
417	VH136	Đặng Mỹ Hón	1990	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Vĩnh Hanh	75	Đạt
418	KT169	Trần Thị Ngọc Lệ	1986	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Hanh	85	Đạt
419	KT167	Nguyễn Thị Như Thùy	1986	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Hanh	85	Đạt
420	VH137	Đông Thị Dung	1986	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Vĩnh Hanh	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
421	KT168	Thái Thị Huỳnh Trang	1989	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Hanh	90	Đạt
422	VH138	Hồ Thị Phấn	1985	Chuyên viên Tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Vĩnh Hanh	75	Đạt
423	VH139	Nguyễn Thành Khởi	1993	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Vĩnh Hanh	90	Đạt
424	VH140	Nguyễn Thị Bé Hiền	1992	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Vĩnh Hanh	95	Đạt
66. UBND xã Vĩnh Hậu							
425	VH141	Nguyễn Bé Tư	1989	Chuyên viên Tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Vĩnh Hậu	75	Đạt
426	VH143	Nguyễn Thị Việt Loan	1989	Chuyên viên Tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên.	UBND xã Vĩnh Hậu	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
427	VH144	Phan Thị Trinh	1990	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Vĩnh Hậu	85	Đạt
428	VH142	Nguyễn Hồng Tùng	1985	Chuyên viên lĩnh vực y tế: Quản lý về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; bà mẹ, trẻ em; dân số; phòng, chống tệ nạn xã hội (không bao gồm cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy); bảo trợ xã hội; y dược cổ truyền; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; thiết bị y tế; bảo hiểm y tế.	UBND xã Vĩnh Hậu	75	Đạt
67. UBND xã Vĩnh Hòa							
429	VH145	Võ Minh Hậu	1987	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	UBND xã Vĩnh Hòa	75	Đạt
430	KT170	Nguyễn Thị Hạnh	1988	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Hòa	75	Đạt
68. UBND xã Vĩnh Hòa Hưng							
431	HC014	Trần Thị Huyền Trân	1994	Chuyên viên thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân xã.	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	85	Đạt
432	VP113	Nguyễn Quốc Triệu	1989	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
433	KT172	Trần Thị Cà Chi	1989	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	87,5	Đạt
434	KT171	Huỳnh Văn Hận	1986	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	95	Đạt
435	VH146	Trương Tú Xuân	1976	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo.	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	90	Đạt
436	HC013	Thị Hoàng Na	1986	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân xã.	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	80	Đạt
69. UBND xã Vĩnh Phong							
437	HC015	Thái Thị Diễm	1989	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, xây dựng chính quyền điện tử, theo dõi việc ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã	UBND xã Vĩnh Phong	90	Đạt
438	VH147	Đặng Thị Thúy Ni	1993	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Vĩnh Phong	80	Đạt
439	VP114	Bành Hoàng Anh	1989	Chuyên viên Hành chính - Văn phòng (gồm Quản trị công sở)	UBND xã Vĩnh Phong	90	Đạt
440	KT174	Huỳnh Thị Ngọc	1989	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Phong	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
441	VP117	Nguyễn Thanh Nhó	1986	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Vĩnh Phong	85	Đạt
442	KT175	Lê Hoàng Tư	1983	Chuyên viên quản lý lĩnh vực đất đai; tài nguyên khoáng sản	UBND xã Vĩnh Phong	90	Đạt
443	KT177	Nhan Thị Diễm	1987	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Phong	70	Đạt
444	KT173	Bánh Văn Phấn	1989	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Vĩnh Phong	95	Đạt
445	VP118	Võ Tân Xuyên	1987	Chuyên viên hành chính văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Vĩnh Phong	85	Đạt
446	VH148	Lê Thị Bích Soàn	1990	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Vĩnh Phong	65	Đạt
447	KT176	Nguyễn Thị Như Ý	1991	Chuyên viên về Lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Vĩnh Phong	95	Đạt
448	VP115	Chung Chí Linh	1984	Kiểm tra chuyên ngành	UBND xã Vĩnh Phong	90	Đạt
449	VP116	Đỗ Huyền Trang	1986	Chuyên viên văn phòng	UBND xã Vĩnh Phong	85	Đạt
450	VP119	Võ Văn Duyên	1985	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Vĩnh Phong	80	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
70. UBND xã Vĩnh Thạnh Trung							
451	VH150	Trần Thị Kim Tuyến	1989	Chuyên viên tham mưu về Văn hoá; Gia đình; Thể dục; Thể thao; Du lịch; Quảng cáo	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	85	Đạt
452	KT178	Bùi Bích Trâm	1988	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	85	Đạt
453	VP120	Lương Hoàng Hà	1972	Chuyên viên tư pháp	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	82,5	Đạt
454	KT179	Trần Thị Thanh Hương	1981	Chuyên viên quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	95	Đạt
455	VH149	Dương Minh Hậu	1991	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	90	Đạt
456	VP121	Trương Thanh Oanh	1987	Văn thư viên	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	95	Đạt
71. UBND xã Vĩnh Thuận							
457	KT180	Nguyễn Thị Bích Nghi	1990	Chuyên viên lĩnh vực tài chính: Quản lý về tài chính - ngân sách nhà nước	UBND xã Vĩnh Thuận	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
458	VH151	Lê Tuy Em	1996	Chuyên viên tham mưu về nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo; sở hữu trí tuệ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân	UBND xã Vĩnh Thuận	90	Đạt
459	VP123	Phạm Thị Mến	1995	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND xã Vĩnh Thuận	80	Đạt
460	VP122	Nguyễn Văn Kul	1987	Chuyên viên tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	UBND xã Vĩnh Thuận	70	Đạt
72. UBND xã Vĩnh Trạch							
461	KT182	Nguyễn Ngọc Thi	1980	Chuyên viên về quản lý chất lượng an toàn thực phẩm	UBND xã Vĩnh Trạch	90	Đạt
462	VP124	Huỳnh Hùng Cường	1984	Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND xã (Chuyên viên giúp việc các Ban HĐND)	UBND xã Vĩnh Trạch	85	Đạt
463	KT183	Nguyễn Thị Thúy Diễm	1989	Chuyên viên về quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND xã Vĩnh Trạch	80	Đạt
464	KT184	Thái Thị A Lin	1980	Chuyên viên quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh	UBND xã Vĩnh Trạch	80	Đạt
465	VH153	Lê Thị Hồng Nhị	1990	Chuyên viên về nội vụ (chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính, cán bộ, công chức...)	UBND xã Vĩnh Trạch	85	Đạt
466	KT181	Lê Thị Thanh Tuyền	1988	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Trạch	87,5	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
467	VH154	Nguyễn Ngọc Thuận	1976	Chuyên viên về Văn hóa; gia đình; thể dục thể thao; quảng cáo	UBND xã Vĩnh Trạch	75	Đạt
468	VH152	Dương Thị Mỹ Phượng	1989	Chuyên viên Dân tộc - tôn giáo	UBND xã Vĩnh Trạch	85	Đạt
73. UBND xã Vĩnh Tuy							
469	VH155	Huỳnh Mỹ Đang	1988	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Vĩnh Tuy	95	Đạt
470	VP125	Huỳnh Thị Nhẹ	1987	Chuyên viên giúp việc Hội đồng nhân dân	UBND xã Vĩnh Tuy	85	Đạt
471	VP126	Lê Thị Lam	1988	Chuyên viên về Hành Chính - Văn Phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Vĩnh Tuy	77,5	Đạt
472	VP127	Nguyễn thị niêm	1988	Chuyên viên tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	UBND xã Vĩnh Tuy	95	Đạt
473	VH156	Phùng Thị Yến Phi	1990	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Vĩnh Tuy	90	Đạt
474	KT185	Phùng Thị Bé Ngọc	1990	Kế toán viên	UBND xã Vĩnh Tuy	95	Đạt
74. UBND xã Vĩnh Xương							

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
475	VH157	Đặng Thị Chúc Xuân	1988	Chuyên viên Tham mưu về lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới	UBND xã Vĩnh Xương	95	Đạt
476	VH158	Lê Thanh Sáng	1985	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	UBND xã Vĩnh Xương	65	Đạt
477	VH160	Trần Văn Hậu	1987	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Vĩnh Xương	95	Đạt
478	KT186	Lê Thị Thúy Hằng	1986	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Vĩnh Xương	80	Đạt
479	VH159	Nguyễn Thị Kiều Tiên	1994	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Vĩnh Xương	80	Đạt
480	KT187	Nguyễn Thị Kim Ngân	1987	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Vĩnh Xương	80	Đạt
75. UBND đặc khu Kiên Hải							

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
481	VH161	Đỗ Thế Hiển	1990	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND đặc khu Kiên Hải	85	Đạt
482	VH162	Phan Văn Dũng	1995	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND đặc khu Kiên Hải	95	Đạt
76. UBND xã An Phú							
483	KT188	Hồ Mỹ Dung	1990	Chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	UBND xã An Phú	72,5	Đạt
484	VH163	Đặng Thị Ngọc Dâu	1989	Chuyên viên về lao động	UBND xã An Phú	85	Đạt
485	VH164	Kiều Tuấn Vũ	1991	Chuyên viên về Khoa học, công nghệ	UBND xã An Phú	75	Đạt
486	KT189	Hoàng Thiện Phúc	1997	Chuyên viên quản lý lĩnh vực môi trường; tài nguyên nước	UBND xã An Phú	80	Đạt
487	VP128	Lâm Thị Thúy An	1990	chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND (chuyên viên giúp việc các Ban HĐND)	UBND xã An Phú	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vấn đáp	Kết quả
77. UBND xã Bình Giang							
488	VP129	Hồ Kim Mòi	1983	Văn thư viên	UBND xã Bình Giang	85	Đạt
489	VH165	Nguyễn Thị Ngọc Trang	1990	Chuyên viên về lĩnh vực lao động	UBND xã Bình Giang	90	Đạt
78. UBND xã Đông Hòa							
490	VH166	Nguyễn Thị Bình	1984	Chuyên viên tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Đông Hòa	80	Đạt
491	VP130	Nguyễn Thị Thắm	1992	Chuyên viên tư pháp	UBND xã Đông Hòa	75	Đạt
79. UBND xã Đông Hưng							
492	KT192	Phạm Minh Duy Phương	1986	Chuyên viên tham mưu về lĩnh vực công thương; Quản lý tiêu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại	UBND xã Đông Hưng	85	Đạt
493	KT190	Huỳnh Văn Phú	1985	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Đông Hưng	75	Đạt
494	VH167	Nguyễn Vũ Hào	1994	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Đông Hưng	85	Đạt
495	KT193	Trần Kim Út Em	1988	Kế toán viên	UBND xã Đông Hưng	90	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
496	VP131	Phan Thành Đông	1990	Chuyên viên phụ trách về công nghệ thông tin	UBND xã Đông Hưng	90	Đạt
497	KT191	Phạm Đình Chiêu	1981	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Đông Hưng	95	Đạt
498	VP132	Trần Thị Màng	1985	Chuyên viên tư pháp: Xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; công tác tư pháp; hoà giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực; quản lý về xử lý vi phạm hành chính	UBND xã Đông Hưng	85	Đạt
80. UBND xã Tri Tôn							
499	VP133	Đặng Văn Đáng	1985	Chuyên viên về hành chính - Văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Tri Tôn	87,5	Đạt
500	KT195	Sơn Thị Ngọc Mai	1988	Kế toán viên	UBND xã Tri Tôn	90	Đạt
501	VH169	Ôn Ngọc Thảo	1986	chuyên viên tham mưu về công tác Văn hóa , gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo	UBND xã Tri Tôn	90	Đạt
502	VP134	Nguyễn Ngọc Hào	1989	Chuyên viên hành chính - văn phòng (gồm Quản trị công sở)	UBND xã Tri Tôn	85	Đạt
503	VP135	Nguyễn Thị Kim Mỹ	1989	chuyên viên về hành chính - văn phòng	UBND xã Tri Tôn	90	Đạt
504	VH168	Hồ Thị Tuyết Giang	1988	Chuyên viên tham mưu về lao động, tiền lương, việc làm, bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công, bình đẳng giới	UBND xã Tri Tôn	95	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
505	KT194	Huỳnh Thị Thùy Trang	1982	Kế toán viên	UBND xã Tri Tôn	70	Đạt
506	VH170	Sên Chanh Tria	1986	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Tri Tôn	90	Đạt
507	VP136	Thái Thị Thúy An	1995	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Tri Tôn	90	Đạt
81. UBND xã Vĩnh An							
508	VP137	Châu Hòa Hiệp	1984	Chuyên viên về hành chính - Văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Vĩnh An	75	Đạt
509	VP138	Đào Thị Thùy Dương	1993	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Vĩnh An	95	Đạt
510	KT199	Phan Ngọc Tân	1986	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Vĩnh An	85	Đạt
511	KT196	Huỳnh Thị Trà My	1987	Chuyên viên về lĩnh vực tài chính: quản lý về tài chính, ngân sách nhà nước	UBND xã Vĩnh An	90	Đạt
512	KT197	Nguyễn Thị Kim Loan	1991	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Vĩnh An	95	Đạt
513	VH171	Lâm Trúc Nghi	1985	Chuyên viên Tham mưu về văn hóa; gia đình; thể dục, thể thao; du lịch; quảng cáo	UBND xã Vĩnh An	95	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
514	KT198	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	1988	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế tập thể, nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với ngành nghề,	UBND xã Vĩnh An	85	Đạt
515	VH173	Nguyễn Thị Tuyền Em	1987	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Vĩnh An	85	Đạt
516	VH172	Nguyễn Thanh Tiền	1991	Chuyên viên tham mưu về công tác dân tộc, tôn giáo	UBND xã Vĩnh An	65	Đạt
517	KT200	Trần Thị Trúc Ly	1985	Chuyên viên về lĩnh vực tài chính: quản lý về tài chính, ngân sách nhà nước	UBND xã Vĩnh An	80	Đạt
82. UBND xã Bình Hòa							
518	KT201	Bùi Phan Nhật Minh	1991	Kế toán viên	UBND xã Bình Hòa	80	Đạt
519	HC016	Lê Thanh Khiết	1977	Chuyên viên kiểm soát thủ tục hành chính	UBND xã Bình Hòa	95	Đạt
520	HC017	Nguyễn Văn Lộc	1987	Chuyên viên kiểm soát thủ tục hành chính	UBND xã Bình Hòa	85	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm văn đáp	Kết quả
521	VH175	Huỳnh Thị Trúc Nhị	1987	Chuyên viên về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước, chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước, thanh niên	UBND xã Bình Hòa	85	Đạt
522	VH174	Hà Thị Kim Cúc	1984	Chuyên viên về lao động, tiền lương, việc làm bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động	UBND xã Bình Hòa	80	Đạt
523	KT204	Nguyễn Văn Thắng	1982	Chuyên viên về quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND xã Bình Hòa	85	Đạt
524	KT203	Nguyễn Văn Hậu	1986	Chuyên viên lĩnh vực giao thông	UBND xã Bình Hòa	65	Đạt
525	VP139	Mai Thị Thu Hà	1982	Chuyên viên tư pháp	UBND xã Bình Hòa	92,5	Đạt
526	KT205	Võ Thái Thạnh	1993	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực nông nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông nghiệp; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo	UBND xã Bình Hòa	95	Đạt
527	KT202	Nguyễn Phú Vĩnh	1980	Chuyên viên về quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê	UBND xã Bình Hòa	80	Đạt
528	VP140	Võ Thị Sơn	1988	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Bình Hòa	80	Đạt
83. UBND xã Hòa Điền							

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm văn đáp	Kết quả
529	VH176	Nguyễn Kim Hằng	1990	Chuyên viên tham mưu về tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên	UBND xã Hòa Điền	70	Đạt
530	VP142	Lâm Tuấn Anh	1991	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã Hòa Điền	82,5	Đạt
531	VP143	Nguyễn Hồng Lua	1988	Chuyên viên đối ngoại	UBND xã Hòa Điền	75	Đạt
532	VP141	Lâm Đại Dương	1984	Chuyên viên về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng	UBND xã Hòa Điền	85	Đạt
533	KT206	Danh Lợi	1983	Chuyên viên về quản lý kế hoạch, đầu tư, thống kê; quản lý lĩnh vực đăng ký hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ kinh doanh, tổ chức kinh tế tập thể	UBND xã Hòa Điền	75	Đạt
534	KT207	Trần Quang Mạnh	1985	Chuyên viên lĩnh vực công thương: Quản lý tiêu thủ công nghiệp; công nghiệp; thương mại.	UBND xã Hòa Điền	90	Đạt
84. UBND xã U Minh Thượng							
535	VP145	Trần Văn Chấn	1987	Chuyên viên Văn phòng	UBND xã U Minh Thượng	90	Đạt
536	VP146	Võ Thị Thắm	1992	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã U Minh Thượng	95	Đạt

Số TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tên vị trí việc làm tiếp nhận	Xã/phường/đặc khu	Điểm vẫn đáp	Kết quả
537	VP144	Nguyễn Thị Đàm	1987	Chuyên viên văn phòng	UBND xã U Minh Thượng	85	Đạt
85. UBND xã Thạnh Đông							
538	VP148	Mai Thị Huỳnh Anh	1993	Chuyên viên Tư pháp: xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; công tác tư pháp; hòa giải cơ sở; trợ giúp pháp lý; nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực; quản lý về xử lý vi phạm hành chính.	UBND xã Thạnh Đông	95	Đạt
539	KT209	Phan Quốc Trọng	1993	Chuyên viên về quản lý quy hoạch, quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc	UBND xã Thạnh Đông	85	Đạt
540	VP147	Nguyễn Hữu Hoàng	1993	Chuyên viên về hành chính - văn phòng (gồm quản trị công sở)	UBND xã Thạnh Đông	95	Đạt
541	VH177	Trịnh Thị Tú Trinh	1987	Chuyên viên tham mưu về phát thanh truyền hình; báo chí; thông tin cơ sở; thông tin đối ngoại; bưu chính; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số; xã hội số; chuyển đổi số	UBND xã Thạnh Đông	90	Đạt
542	KT208	Lê Thị Thùy Hương	1983	Kế toán viên	UBND xã Thạnh Đông	90	Đạt
86. UBND xã Ô Lâm							
543	KT210	Neáng Xăm Ưone	1989	Kế toán viên	UBND xã Ô Lâm	85	Đạt
544	VH178	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1993	Chuyên viên lĩnh vực giáo dục và đào tạo	UBND xã Ô Lâm	95	Đạt